

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Phương và ông Nguyễn Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị Lan P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 7, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 2, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2023, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nông Thị Lan P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế A đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do

vợ chồng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không cải thiện được. Chị và anh T A đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T A đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T A.

Về nuôi con: Chị và anh T A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do chị và anh T A đã sống ly thân từ năm 2022, vợ chồng không còn tình cảm.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Thế A trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến của chị P về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị P trình bày. Vợ chồng anh chị đã tự hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được và đã sống ly thân được khoảng hơn 01 năm nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về nuôi con: Anh xác nhận anh và chị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thế A có địa chỉ thường trú tại tổ 2, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nông Thị Lan P và anh Nguyễn Thế A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 2 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp.

Chị P và anh T A đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Anh, chị đều thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích đề vợ chồng đoàn tụ nhưng chị P và anh T A đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, chị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Từ đó, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị P và anh T A đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị P và anh T A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị P và anh T A không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nông Thị Lan P được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

2. Về án phí: Chị Nông Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0001505 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Thế A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P. N, TP Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền